

**TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC GSQL VỀ HẢI QUAN**

Số: **256** /GSQL-GQ2

V/v bảng mã loại hình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **27** tháng 03 năm 2015

Kính gửi:

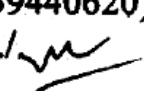
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Cục CNTT, Thuế XNK, ĐTCBL;
- Ban QLRR, CCHĐH;
- Vụ Pháp chế.

Để thực hiện thống nhất việc khai báo đối với chỉ tiêu mã loại hình trên hệ thống VNACCS cũng như mã loại hình khi thực hiện thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan giấy khi triển khai thực hiện quy định của Luật Hải quan năm 2014, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn về thủ tục hải quan của Bộ Tài chính, Cục Giám sát quản lý đã xây dựng bảng mã loại hình áp dụng thống nhất và bao gồm cả các loại hình không nhằm mục đích thương mại (*gửi kèm dự thảo bảng mã loại hình*).

Trước khi trình Lãnh đạo Tổng cục ban hành, Cục Giám sát quản lý gửi lấy ý kiến các đơn vị, đề nghị các đơn vị có ý kiến tham gia trọng tâm nội dung sau:

- Vương mắc khi thực hiện mã loại hình theo hướng dẫn tại công văn số 3283/TCHQ-GSQL ngày 31/3/2014;

- Những nội dung hướng dẫn bổ sung đối với những loại hình không nhằm mục đích thương mại trong dự thảo;

Ý kiến tham gia gửi về Cục Giám sát quản lý (fax 04.39440620) trước ngày **31/3/2015** để tổng hợp, trình Lãnh đạo Tổng cục ban hành. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GQ2 (3b).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Âu Anh Tuấn

BẢNG MÃ LOẠI HÌNH

(ban hành kèm theo Quyết định số..../QĐ-TCHQ ngày tháng năm 2015)

MÃ LOẠI HÌNH NHẬP KHẨU					
STT	Mã LH	Tên	Hướng dẫn sử dụng	CD	Ghi chú
1	A11	Nhập kinh doanh tiêu dùng (hàng hóa làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu)	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa để tiêu dùng, hàng kinh doanh thương mại đơn thuần; hàng làm nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất; hàng nhập khẩu đầu tư miễn thuế, đầu tư nộp thuế làm thủ tục tại Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục hàng hóa phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập hoặc do doanh nghiệp lựa chọn làm thủ tục tại cửa khẩu nhập;		
2	A12	Nhập kinh doanh sản xuất (hàng hóa làm thủ tục tại Chi cục Hải quan khác Chi cục Hải quan cửa khẩu)	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa để tiêu dùng, hàng kinh doanh thương mại đơn thuần; hàng làm nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất; hàng nhập khẩu đầu tư miễn thuế, đầu tư nộp thuế làm thủ tục tại Chi cục Hải quan khác Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập; trường hợp doanh nghiệp nội địa nhập kinh doanh hàng hóa từ khu phi thuế quan, DNCX hoặc nhập kinh doanh tại chỗ.		Lưu ý: Trường hợp nhập theo quyền nhập khẩu của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài sử dụng mã A41

3	A21	Chuyển tiêu thụ nội địa từ nguồn tạm nhập	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp chuyển tiêu thụ nội địa có nguồn gốc từ tạm nhập khẩu. Trường hợp chuyển tiêu thụ nội địa từ các nguồn khác sử dụng mã A42.		
4	A31	Nhập hàng xuất khẩu bị trả lại	Sử dụng trong trường hợp hàng xuất khẩu bị trả lại gồm trả lại để sửa chữa, tái chế, tiêu thụ nội địa, tiêu hủy hoặc tái xuất sang nước thứ ba của các loại hình xuất kinh doanh, xuất sản phẩm gia công, xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu, xuất sản phẩm của DNCX		Lưu ý: trường hợp nhập khẩu để tái chế, tái xuất sang nước thứ 3 cơ quan Hải quan tổ chức theo dõi để xử lý theo quy định hoặc thực hiện theo chế độ tạm (G12).
5	A41	Nhập kinh doanh của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện quyền kinh doanh nhập khẩu hàng hóa để bán trực tiếp tại Việt Nam (không qua sản xuất); áp dụng cả trường hợp DNCX thực hiện quyền nhập khẩu hàng hóa để bán trực tiếp tại Việt Nam.		
6	A42	Chuyển tiêu thụ nội địa khác	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế, hàng hóa được ân hạn thuế hoặc áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt sau đó thay đổi đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích miễn thuế, xét miễn thuế, áp dụng thuế suất ưu đãi, ưu đãi đặc biệt, hoặc không được ân hạn. Trừ		

			trường hợp hàng hóa chuyển tiêu thụ nội địa từ nguồn tạm nhập sử dụng mã A21		
7	E11	Nhập nguyên liệu của DNCX từ nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp nhập nguyên liệu, vật tư từ nước ngoài để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu của DNCX		
8	E13	Nhập tạo tài sản cố định của DNCX	Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu tạo tài sản cố định của DNCX (bao gồm cả nhập từ nước ngoài, từ nội địa hoặc từ DNCX khác)		
9	E15	Nhập nguyên liệu của DNCX từ nội địa	Sử dụng trong trường hợp DNCX nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu từ nội địa		
10	E21	Nhập nguyên liệu để gia công cho thương nhân nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu nguyên liệu để gia công cho thương nhân nước ngoài. Nguyên liệu thực hiện hợp đồng gia công có thể nhập theo chỉ định của thương nhân nước ngoài hoặc tự cung ứng từ nguồn nhập khẩu; sử dụng cả trong trường hợp doanh nghiệp nội địa nhận gia công cho DNCX		
11	E23	Nhập nguyên liệu gia công từ hợp đồng khác chuyển sang	Sử dụng trong trường hợp chuyển nguyên liệu, vật tư từ hợp đồng khác sang theo thủ tục XNK tại chỗ		
12	E31	Nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu. Nguyên liệu, vật tư có thể nhập khẩu từ khu phi thuế quan, DNCX hoặc nhập tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài		
13	E41	Nhập sản phẩm thuê gia công ở nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp Việt Nam nhập lại sản phẩm sau khi đưa nguyên		

			liệu, vật tư thuê nước ngoài gia công (bao gồm cả trường hợp doanh nghiệp nội địa nhận lại sản phẩm thuê DNCX gia công)		
14	G11	Tạm nhập hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa theo loại hình kinh doanh TNTX		
15	G12	Tạm nhập máy móc, thiết bị phục vụ dự án có thời hạn	Sử dụng trong trường hợp: - Doanh nghiệp thuê mượn máy móc, thiết bị, phương tiện thi công, khuôn mẫu từ nước ngoài hoặc từ các khu phi thuế quan đưa vào Việt Nam để sản xuất, thi công công trình, thực hiện dự án, thử nghiệm; - Tạm nhập tái xuất để bảo hành, sửa chữa; - Tạm nhập tàu biển, máy bay nước ngoài để sửa chữa, bảo dưỡng tại Việt Nam		
16	G13	Tạm nhập miễn thuế	Sử dụng trong trường hợp: - Nhập khẩu máy móc thiết bị do bên thuê gia công cung cấp phục vụ hợp đồng gia công; máy móc từ hợp đồng khác chuyển sang; - Tạm nhập hàng hóa miễn thuế gồm: hàng tham dự hội trợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm; máy móc dụng cụ nghề nghiệp phục vụ hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học và phát triển sản phẩm, thi đấu thể thao, biểu diễn văn hóa, biểu diễn văn nghệ, khám chữa bệnh;		
17	G14	Tạm nhập khác	Sử dụng trong các trường hợp tạm nhập kê, giá, thùng, lọ ... theo phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng.		

18	G51	Tái nhập hàng đã tạm xuất	Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa đã tạm xuất (xuất theo chế độ tạm) bao gồm cả những trường hợp hàng hóa đã tạm xuất của những cá nhân được nhà nước Việt Nam cho miễn thuế; trường hợp hàng hóa đã tạm xuất là dụng cụ, nghề nghiệp, phương tiện làm việc tạm xuất có thời hạn của cơ quan, tổ chức, của người xuất cảnh; trường hợp hàng hóa đã tạm xuất phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng khác (kệ, giá, thùng, lọ...)	Lưu ý: Trường hợp hàng hóa tạm xuất của những cá nhân được nhà nước Việt Nam cho miễn thuế; trường hợp hàng hóa là dụng cụ, nghề nghiệp, phương tiện làm việc tạm xuất có thời hạn của cơ quan, tổ chức, của người xuất cảnh; trường hợp tạm xuất phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng khác (kệ, giá, thùng, lọ...) tại khai báo các tiêu chí theo quy định khai.
19	C11	Hàng gửi kho ngoại quan	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa từ nước ngoài gửi kho ngoại quan	
20	C21	Hàng đưa vào khu phi	Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa	

		thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu	từ nước ngoài		
21	H11	Hàng nhập khẩu khác	Bao gồm hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở Việt Nam gửi cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; hàng hóa của cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và những người làm việc tại các cơ quan, tổ chức này; hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; hàng hóa là hàng mẫu không thanh toán; hàng hóa là hành lý cá nhân của người nhập cảnh gửi theo vận đơn, hàng hóa mang theo người nhập cảnh vượt tiêu chuẩn miễn thuế.		
MÃ LOẠI HÌNH XUẤT KHẨU					
STT	Mã LH	Tên	Hướng dẫn sử dụng	CD	Ghi chú
1	B11	Xuất kinh doanh	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa kinh doanh thương mại đơn thuần ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan, DNCX theo hợp đồng mua bán và trường hợp thực hiện quyền kinh doanh xuất khẩu của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (bao gồm cả quyền kinh doanh của DNCX).		Lưu ý: đối với việc xuất khẩu sản phẩm là gia công, sản xuất xuất khẩu, DNCX thực hiện theo các mã riêng.
2	B12	Xuất sau khi đã tạm xuất	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp đã tạm xuất hàng hóa này quyết định xuất hẳn mặt hàng này (không tái nhập về Việt Nam)		Lưu ý: Sử dụng trong trường hợp đã tạm xuất hàng hóa đi

					(G61)
3	B13	Xuất trả hàng đã nhập khẩu	Sử dụng trong trường hợp hàng nhập khẩu của các loại hình phải trả lại (gồm tái xuất để trả lại cho khách hàng nước ngoài; tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan)		
4	E42	Xuất sản phẩm của DNCX	Sử dụng trong trường hợp xuất khẩu sản phẩm của DNCX bao gồm cả trường hợp xuất ra nước ngoài và xuất vào nội địa		Lưu ý: trường hợp xuất vào nội địa phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã địa điểm và ô chỉ tiêu quản lý nội bộ
5	E52	Xuất sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp xuất sản phẩm cho đối tác thuê gia công ở nước ngoài. Bao gồm cả các trường hợp xuất sản phẩm tự cung ứng nguyên liệu và trường hợp doanh nghiệp nội địa xuất trả sản phẩm gia công cho DNCX, doanh nghiệp trong khu PTQ		Lưu ý: trường hợp xuất vào DNCX, khu PTQ phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã địa điểm và ô chỉ tiêu quản lý nội bộ
6	E56	Xuất sản phẩm gia công giao hàng tại nội địa	Sử dụng trong trường hợp xuất sản phẩm gia công cho đối tác nước ngoài chỉ định giao hàng tại Việt Nam, bao gồm cả trường hợp xuất khẩu sản phẩm gia công chuyển tiếp		Lưu ý: trường hợp này phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã địa điểm và

				ô chỉ tiêu quản lý nội bộ
154	Xuất nguyên liệu gia công từ hợp đồng này sang hợp đồng khác	Sử dụng trong trường hợp chuyển nguyên liệu, vật tư từ hợp đồng này sang hợp đồng khác. Lưu ý, không bao gồm việc chuyển thiết bị, máy móc (thiết bị máy móc khai báo theo chế độ tạm, khi chuyển sử dụng G23)		Lưu ý: trường hợp xuất này phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã địa điểm và ô chỉ tiêu quản lý nội bộ
362	Xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu	Sử dụng trong trường hợp xuất sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu (bao gồm cả trường hợp xuất cho thwownng nhân nước ngoài và được chỉ định giao hàng tại Việt Nam)		Lưu ý: trường hợp xuất vào nội địa phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã địa điểm và ô chỉ tiêu quản lý nội bộ
382	Xuất nguyên liệu, vật tư thuê gia công ở nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp Việt Nam xuất nguyên liệu, vật tư thuê nước ngoài gia công. Lưu ý, trường hợp xuất máy móc thiết bị theo dõi bằng chế độ tạm G61		
321	Tái xuất hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất	Sử dụng trong trường hợp khi tái xuất hàng kinh doanh TNTX đã tạm nhập theo mã G11 (bao gồm hàng đã vận chuyển tái xuất)		Lưu ý: thời hạn lưu giữ tại Việt Nam. Trường
				phải thực hiện sửa đổi, bổ sung

				thông tin quản lý hàng TNTX
11	G22	Tái xuất máy móc, thiết bị phục vụ dự án có thời hạn	Sử dụng trong trường hợp đã tạm nhập theo mã G12, khi hết thời hạn thuê, kết thúc dự án phải tái xuất đi	Lưu ý: thời hạn lưu giữ tại Việt Nam. Trường hợp gia hạn phải thực hiện sửa đổi, bổ sung thông tin quản lý hàng TNTX
12	G23	Tái xuất miễn thuế hàng tạm nhập	Sử dụng trong trường hợp tái xuất hàng hóa đã tạm nhập sử dụng mã G13	
13	G24	Tái xuất khác	Sử dụng trong các trường hợp tái xuất nhập kê, giá, thùng, lọ ... theo phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng đã tạm nhập theo mã G14.	
14	G61	Tạm xuất hàng hóa	Sử dụng trong trường hợp tạm xuất hàng hóa ra nước ngoài, vào khu PTQ, từ khu PTQ ra nước ngoài theo chế độ tạm. Bao gồm cả các trường hợp hàng hóa tạm xuất của những cá nhân được nhà nước Việt Nam cho miễn thuế; trường hợp hàng hóa đã tạm xuất là dụng cụ, nghề nghiệp, phương tiện làm việc tạm xuất có thời hạn của cơ quan, tổ chức, của người xuất cảnh; trường hợp hàng hóa đã tạm xuất phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng khác (kê, giá, thùng, lọ...)	Lưu ý: Trường hợp hàng hóa tạm xuất của những cá nhân được nhà nước Việt Nam cho miễn thuế; trường hợp hàng hóa là dụng cụ, nghề nghiệp, phương tiện làm việc tạm xuất có thời hạn của cơ

				quan, tổ chức, của người xuất cảnh; trường hợp tạm xuất phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng khác (kệ, giá, thùng, lọ...) tại khai báo các tiêu chí theo quy định khai.
15	C22	Hàng đưa ra khu phi thuế quan	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu từ khu PTQ thuộc khu KTCK ra nước ngoài hoặc vào thị trường nội địa	Lưu ý: Khi xuất vào thị trường nội địa phải khai chi tiêu thông tin tin về XNK tại chỗ như mã địa điểm và ô chi tiêu quản lý nội bộ.
16	H12	Xuất khẩu hàng khác	Bao gồm hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở Việt Nam gửi cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; hàng hóa của cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và những người làm việc tại các cơ quan, tổ chức này; hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; hàng hóa là hàng mẫu không thanh	Lưu ý: Đối với từng trường hợp khai báo chi tiêu trên hệ thống phù hợp theo quy định hướng dẫn khai.

			toán; hàng hóa là hành lý cá nhân của người nhập cảnh gửi theo vận đơn, hàng hóa mang theo người nhập cảnh vượt tiêu chuẩn miễn thuế.		
--	--	--	---	--	--